

Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 04 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Thúy L – sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: ấp Kiên S, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng N – sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Kiên S, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thúy L và ông Nguyễn Hoàng N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy L và ông Nguyễn Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/7/2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng, thường hay cự cãi, bà Hằng và ông Trường phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L và ông N thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên S, sinh ngày 17/7/2014 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 01/11/2016. Ông, bà thoả thuận: Giao 02 cháu Thiên S và Hoàng Y cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng

thành (đủ 18 tuổi).

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân nhân gia đình là 150.000 đồng, mỗi người chịu một nửa, cụ thể ba L phải nộp 75.000 đồng, ông N phải nộp 75.000 đồng. Số tiền án phí bà L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009090 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền án phí còn thừa bà L được nhận lại là 225.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Kiên Bình, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Pho**